

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2018/DS -ST

Ngày: 30/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Chị Giáp Thị Tố L, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 309, Tòa nhà 5B khu chung cư Q, phường H, thành phố B, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1977. (Có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn C trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 27/01/2017 anh cho chị Giáp Thị Tố L vay số tiền 150.000.000đồng. Khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền do chị L viết,

ký, thời hạn trả ngày 27/02/2017, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm), mục đích vay tiền như chị L nói để sử dụng vào việc cá nhân. Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 27/02/2017 là do chị L ghi nhầm.

Khi đến hạn trả nợ, anh yêu cầu chị L trả nhưng chị L khát lần, khát lượt không trả. Từ khi vay đến nay chị L chưa trả cho anh được khoản tiền gốc, tiền lãi nào. Ngày 23/9/2017, chị L viết giấy khát nợ hẹn ngày 15/10/2017 trả số tiền 20.000.000đồng nhưng không trả. Ngày 15/11/2017, chị L lại viết giấy hẹn ngày 05/12/2017 trả số tiền 30.000.000đồng nhưng vẫn không trả.

Nay anh khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền gốc 150.000.000đồng. Về tiền lãi anh chỉ yêu cầu chị L trả tiền lãi từ ngày 27/02/2017 đến ngày 27/6/2018, mức lãi suất theo thỏa thuận của hai bên là 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm) tương ứng với số tiền 36.000.000đồng. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu chị L trả số tiền lãi là 38.250.000đồng là do anh tính nhầm. Đối với khoản tiền lãi từ ngày 28/6/2018 đến khi xét xử sơ thẩm anh không yêu cầu chị L phải trả.

Anh xác định khoản tiền nêu trên cho cá nhân chị L vay, không liên quan gì đến chồng chị L nên anh chỉ yêu cầu cá nhân chị L trả.

Số tiền 150.000.000đồng cho chị L vay là tiền của cá nhân anh, không liên quan gì đến vợ anh là chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Giáp Thị Tố L trình bày:

Ngày 27/01/2017, chị có vay của anh C số tiền 150.000.000đồng (trong giấy biên nhận ghi là ngày 27/02/2017 là do chị viết nhầm), mục đích vay để sử dụng việc cá nhân, thời hạn vay đến ngày 27/02/2017 sẽ trả số tiền trên. Trong giấy biên nhận không thỏa thuận về lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng. Đến hạn trả nợ do không thu xếp được nên chị viết giấy khát nợ hẹn ngày 15/10/2017 trả anh C số tiền 20.000.000đồng và còn lại trả dần. Đến ngày 15/10/2017 chị vẫn chưa trả được anh C nên ngày 15/11/2017 chị lại viết giấy hẹn ngày 05/12/2017 trả số tiền 30.000.000đồng hoặc thu xếp trả 30-50% số nợ. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên chị chưa thanh toán trả anh C được khoản tiền gốc, tiền lãi nào.

Nay anh C khởi kiện yêu cầu chị trả 150.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi, chị đồng ý trả tiền gốc nhưng xin trả dần. Đối với khoản tiền lãi do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị xin anh C.

Khoản tiền vay anh C là của cá nhân chị, không liên quan gì đến gia đình, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Anh Đặng Quang S là chồng chị nhưng không hề biết việc vay nợ giữa chị và anh C nên anh S không liên quan gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị là vợ anh C. Toàn bộ số tiền 150.000.000đồng anh C cho chị L vay là tài sản riêng của anh C, chị không liên quan gì. Do vậy, chị không có yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng không được vì bị đơn là chị Giáp Thị Tố L vắng mặt không có lý do.

Ngày 20/11/2018, Tòa án mở phiên tòa nhưng do chị Giáp Thị Tố L vắng mặt không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 30/11/2018, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đòi bị đơn trả khoản tiền gốc là 150.000.000đồng. Bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc chị Giáp Thị Tố L phải trả anh Trần Văn C 150.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 36.000.000đồng tiền lãi (bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí: Chị Giáp Thị Tố L phải chịu 9.300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Trần Văn C tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là chị Giáp Thị Tố L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị L, chị T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 27/01/2017, giữa anh C và chị L lập giấy biên nhận vay tiền, trong đó thỏa thuận thời hạn trả là ngày 27/02/2017, có thỏa thuận miệng về lãi suất. Ngày 27/02/2017, chị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền gốc và tiền lãi như đã thỏa thuận cho anh C. Anh C đã nhiều lần yêu cầu chị L thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi nhưng chị L không trả nên anh C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị L trả tiền gốc, tiền lãi. Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về yêu cầu đòi số tiền gốc 150.000.000đồng của nguyên đơn: Căn cứ vào bản gốc giấy biên nhận vay tiền ngày 27/01/2017, bản gốc giấy khát nợ ngày 22/9/2017 do nguyên đơn cung cấp; căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn có đủ căn cứ xác định ngày 27/01/2017 anh Trần Văn C cho chị Giáp Thị Tố L vay số tiền 150.000.000đồng là có thật (do sơ suất nên chị L viết nhầm ngày vay tiền là ngày 27/02/2017). Sau khi vay khoản tiền trên chị L chưa trả anh C khoản tiền gốc, tiền lãi nào. Nay anh C khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền gốc 150.000.000đồng, chị L đồng ý. Như vậy, yêu cầu của anh C về việc buộc chị L phải trả số tiền gốc 150.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466; Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu đòi số tiền lãi: Mặc dù trong tất cả các giấy biên nhận vay tiền không ghi thỏa thuận về lãi suất nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có thỏa thuận miệng về lãi suất là 1,5%/tháng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 27/02/2017 đến ngày 27/6/2018, mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên là 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm). Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định

tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận. Lãi suất cụ thể được tính như sau:

Từ ngày 27/02/2017 đến ngày 27/6/2018 là 01 năm 04 tháng, mức lãi suất là 1,5%/tháng (tương đương 18%/ năm)

Số tiền lãi của 01 năm là: 150.000.000đồng x 18%/năm x 01 năm =27.000.000đồng.

Số tiền lãi của 04 tháng là: 150.000.000đồng x 1,5%/tháng x 04 tháng =9.000.000đồng.

Tổng số tiền lãi là: 36.000.000đồng.

[5] Đối với khoản tiền lãi từ ngày 28/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/11/2018 do anh C không yêu cầu chị L trả và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Giáp Thị Tố L phải trả anh Trần Văn C tổng số tiền là 186.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm tám mươi sáu triệu đồng) trong đó nợ gốc là 150.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi là 36.000.000đồng (bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí:

- Chị Giáp Thị Tố L phải chịu 9.300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Trả lại anh Trần Văn C số tiền 4.706.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06972 ngày 31/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Luyện